

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 15/10/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An, ông Ngô Mạnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn tiến Phú - Thẩm tra viên

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ L số: 39/2020/DSST ngày 02 tháng 06 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

Địa chỉ: Số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Minh Toàn- Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Đạt, nhân viên xử L nợ của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng HKTT: Thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L4 quan:

1/Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1933; Ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973(vắng mặt).

2/Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1995 (vắng mặt)

3/Chị Nguyễn Thị Mai L4, sinh năm 1998 (vắng mặt).

4/Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/2005 (vắng mặt).

Cùng HKTT: Thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngân hàng TMCP Á Châu(sau đây gọi tắt là Ngân hàngACB) khởi kiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ gửi Ngân hàng, sau khi xem xét hồ sơ vay vốn và tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng đã chấp thuận cho ông L và bà L1 vay

tiền. Giữa Ngân hàng với ông L và bà L1 có ký kết 02 (hai) Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: BAN.CN.310.160916 ngày 16/9/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 03-245648079 ngày 09/9/2017; với nội dung Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng chẵn. Mục đích vay để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động. Phương thức vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn giải ngân 360 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 10/9/2017 đến ngày 09/9/2018. Lãi suất vay trong hạn được quy định. Lãi suất vay: 9,5%/năm, một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày. Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 3,0\% + X$; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm: 10%/năm. Ngày 09/9/2018, khoản vay theo khế ước nhận nợ nêu trên đáo hạn (kết thúc thời hạn vay) nhưng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không trả hết nợ cho ACB. Do đó, tính kể từ ngày 09/10/2019, ACB đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên. Tính đến ngày 15/10/2020, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 còn nợ ACB các khoản sau: Nợ gốc là 400.000.000 đồng; lãi (trong hạn cộng lãi quá hạn) 150.038.630 đồng; phạt chậm trả 1.993.480 đồng, tổng cộng 552.032.110 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn một trăm mười đồng).

Hợp đồng tín dụng số: BAN.CN.970.080917 ký ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01-253251969 ngày 02/01/2018; với nội dung Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Mục đích vay để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động. Phương thức vay theo hạn mức tín dụng, thời hạn giải ngân 360 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 09 tháng, từ ngày từ ngày 03/01/2018 đến ngày 02/10/2018. Lãi suất vay trong hạn được quy định: Lãi suất vay: 9,5%/năm, một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 3,0\% + X$; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm: 10%/năm. Ngày 02/10/2018, khoản vay theo Khế ước nhận nợ nêu trên đáo hạn (kết thúc thời hạn vay) nhưng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không trả hết nợ cho ACB. Do đó, tính kể từ ngày 02/11/2019, ACB đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên. Tính đến ngày 15/10/2020, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 còn nợ Ngân hàng ACB các khoản sau: Nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi (trong hạn cộng lãi quá hạn) 197.836.439 đồng; phạt chậm trả 1.718.544 đồng, tổng cộng 799.554.983 đồng (Bảy trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám ba đồng). Như vậy căn cứ vào hai hợp đồng Hợp đồng tín dụng: số BAN.CN.310.160916 ngày 16/9/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 03-245648079 ngày 09/9/2017 và BAN.CN.970.080917 ký ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01-253251969 ngày 02/01/2018 thì tính đến ngày 15/10/2020, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị

L1 còn nợ Ngân hàng ACB tổng 02 khoản nợ là: 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng) trong đó nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả là 3.712.024 đồng.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 3, diện tích 60m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn L và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 3, diện tích 162,0m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

Hiện nay, ông L và bà L1 không trả nợ và không tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý phát mại thu hồi nợ theo quy định của pháp luật đã xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L bà L1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi của 02 Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến hết ngày 15/10/2020 là 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng) trong đó nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả là 3.712.024 đồng, tính đến ngày 15/10/2020. Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng ACB tự chi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa, song ông L có lời khai tại Tòa án ngày 02/7/2020 như sau: Ngày 16/9/2016 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng số BAN.CN 310.160916 vay của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đến ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng kế ước nhận nợ số 03-245648079 số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) thời hạn vay là 360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất và thương thức trả nợ gốc, lãi theo như thỏa thuận với Ngân hàng trong hợp đồng vợ chồng ông đã trả được một khoản gốc và lãi. Do làm ăn thua lỗ vì vậy vợ chồng ông không trả được nợ gốc và lãi được một phần sau đó không trả được nữa do làm ăn thua lỗ, tính đến ngày 02/7/2020. Số tiền vợ chồng ông còn nợ gốc là 400.000.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 9.486.575 đồng, số tiền lãi quá hạn là 122.160.822 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.720.579 đồng. Tổng là 533.367.976 đồng.

Ngày 27/12/2017 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng số BAN.CN 527.271217 vay của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), đến ngày 02/01/2018 được giải ngân bằng kế ước nhận nợ số 01-253251969 số tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất và thương thức trả nợ gốc, lãi theo như thỏa thuận với Ngân hàng trong hợp đồng. Đến ngày 02/7/2020 vợ chồng ông còn nợ số tiền gốc là 600.000.000đ, số tiền lãi trong hạn là 8.291.507 đồng, số tiền lãi quá hạn là 165.311.507 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.480.021 đồng. Tổng là 775.083.035 đồng.

Tổng hai khoản nợ chồng ông còn nợ Ngân hàng đến thời điểm ngày 02/7/2020 là 1.308.451.311 đồng (Một tỷ ba trăm linh tám triệu bốn trăm năm một nghìn ba trăm mười một đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên gia đình nhà ông có thể chấp cho phía Ngân hàng gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 3, diện tích 60m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn L.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 3, diện tích 162,0m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

Quan điểm của vợ chồng ông là đồng ý trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo như phía ngân hàng tính. Nếu không trả được khoản nợ trên thì đồng ý để phía Ngân hàng đề nghị phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để trả nợ cho Ngân hàng.

Hộ khẩu gia đình nhà ông khi vay lúc đó có: Vợ chồng ông, mẹ ông là Nguyễn Thị L2, sinh năm 1933, con ông là Nguyễn Văn L3, sinh năm 1995; Nguyễn Mai L4 sinh năm 1998; con Nguyễn Văn H, sinh ngày 18/01/ 2005. Hiện tại mọi người vẫn đang ở trên thửa đất này. Khi làm thủ tục thế chấp thửa đất cho phía ngân hàng đúng tên hộ, mẹ ông và con ông có làm hợp đồng ủy quyền cho ông là Nguyễn Văn L được toàn quyền thay mặt thực hiện những công việc như; Được quyền thế chấp để vay vốn hoặc bảo đảm cho bên thứ 3 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) theo hợp đồng công chứng số 99/2012/HĐUQ quyền số 01TP/CC – SCC/HĐGD ngày 05/3/2012 phòng công chứng số 2 Bắc Ninh.

Bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại trụ sở Tòa án để làm việc. Tòa án đã về địa phương có sự chứng kiến của chính quyền địa phương để lấy lời khai nhưng bà L1 đã không khai, và không ký biên bản giao của Tòa án, tại các phiên tòa bà L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L2 đồng ý trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng đề nghị các cơ quan xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để trả tiền cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L4 quan chị Nguyễn Thị Mai L4 anh Nguyễn Văn L3, cháu Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, song có lời khai trình bày: Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng đề nghị các cơ quan xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để trả tiền cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật .

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày tại phiên tòa và đề nghị HĐXX buộc vợ chồng ông L và L1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi của 02 Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến hết ngày 15/10/2020 là 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc của 02 hợp đồng là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn của 02 hợp đồng là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả của 02 hợp đồng là 3.712.024 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng trên. Trong trường hợp ông L và bà L1 không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án xét xử và tuyên trong bản án cho ngân

hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa, điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục. Phía nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật, phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Việt Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến hết ngày 15/10/2020 là 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc của 02 hợp đồng là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn của 02 hợp đồng là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả của 02 hợp đồng là 3.712.024 đồng, theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 3, diện tích 60m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 3, diện tích 162,0m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tranh luận và nghị án, HĐXX nhận định:

1/ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân thị xã T.S thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

2/ Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ L4 quan là Bà Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn L3, chị Nguyễn Thị Mai L4, cháu Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

3/ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng: số

BAN.CN.310.160916 ngày 16/9/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 03-245648079 ngày 09/9/2017 và BAN.CN.970.080917 ký ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01-253251969 ngày 02/01/2018. Xét 02 Hợp đồng tín dụng trên thấy rằng: Đây là văn bản của Ngân hàng TMCP Á Châu do người đại diện theo ủy quyền ký với vợ chồng ông L và bà L1. Hợp đồng tín dụng có đầy đủ chữ ký và con dấu của bên cho vay tiền và chữ ký của bên vay tiền. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức, nguyên tắc tự nguyện giao kết hợp đồng, đảm bảo về thẩm quyền ký kết, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đương sự không có tranh chấp về hình thức và nội dung của Hợp đồng nên xác định Hợp đồng tín dụng số BAN.CN.310.160916 ngày 16/9/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 03-245648079 ngày 09/9/2017 và BAN.CN.970.080917 ký ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01-253251969 ngày 02/01/2018 là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện hai hợp đồng tín dụng khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên quy định trong Hợp đồng tín dụng, nhưng phía bị đơn đã không trả được gốc và lãi theo hợp đồng phía nguyên đơn đã đôn đốc và thông báo bằng văn bản cho phía bị đơn để trả nợ nhưng phía bị đơn vẫn không trả được. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 thanh toán số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt theo quy định trong Hợp đồng. Xét Bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn thị L1 do Ngân hàng cung cấp phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết trong Hợp đồng, phương thức tính lãi trong hạn, lãi quá hạn đảm bảo đúng quy định của pháp luật và được hai bên thỏa thuận ký kết trong Hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn thị L1 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Xác định số nợ gốc, nợ lãi mà vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho Ngân hàng theo 02 Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 15/10/2020 là: 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả là 3.712.024 đồng.

Tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng ACB và vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: BAN.BĐCN.01030312 ngày 05/3/2012 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/6/2014. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số: BAN.BĐCN.01030312 ngày 05/3/2012 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/6/2014 là sự thỏa thuận giữa hai bên, được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên gồm bên thế chấp vợ chồng ông L bà L1 và bên nhận thế chấp (Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn Như Huân). Nội dung Hợp đồng ghi rõ: Bên thế chấp đồng ý thế chấp tài sản là đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 3, diện tích 60m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 3, diện tích

162,0m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L. Như vậy Hợp đồng thế chấp đã hội tụ đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật cả về hình thức lẫn nội dung và phát sinh hiệu lực kể từ ngày 12/6/2014 và đủ điều kiện đảm bảo cho khoản vay theo hai Hợp đồng tín dụng trên.

Xét yêu cầu của Ngân hàng ACB yêu cầu buộc ông L và bà L1 phải thanh toán số nợ gốc và số nợ lãi phát sinh là:1.351.587.093, nếu vợ chồng ông L, bà L1 không thanh toán nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng: Yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cũng như thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ để Tòa án chấp nhận yêu cầu này.

Về yêu cầu phát mại tài sản: Yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 56, 58 Nghị định 163 ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005 và được các bên liên quan đồng ý ký kết nên có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Do Yêu cầu Ngân hàng ACB được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, Ngân hàng được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng ACB tự chi và chịu, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 195, 201, 217, 220, 227, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 117, 317, 319, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các điều 300, 301, 302, 306, 317, 319 Luật thương mại

Căn cứ Nghị định số 163/ 2016/ NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

xử:

1, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2, Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu ACB (tạm tính đến hết ngày 15/10/2020) theo 02 Hợp đồng tín

dụng số BAN.CN.310.160916 ngày 16/9/2016 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 03-245648079 ngày 09/9/2017 và BAN.CN.970.080917 ký ngày 09/9/2017 được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 01-253251969 ngày 02/01/2018 số tiền là: 1.351.587.093 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu năm trăm tám bảy nghìn không trăm chín ba đồng). Trong đó nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn và quá hạn là 347.875.069 đồng, phạt chậm trả là 3.712.024 đồng. Kể từ ngày 16/10/2020 ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3, Trường hợp ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, diện tích 60m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn L. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 128, tờ bản đồ số 3, diện tích 162,0m², tại thôn Đ.H, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh giấy chứng nhận mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

4, Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án là 05 năm được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5, Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 52.547.000đồng (Năm mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Á Châu được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu) đồng theo Biên lai số: AA/2019/0003570 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

6, Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND thị xã T.S
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Hưng